

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02/04/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hơ**.

2. Bà **Phan Thị Đẹp**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Phương** – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Nhật Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 02 tháng 04 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 856/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 03 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST – HN ngày 23 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Phùng Thị Bửu Q**, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: G, Khu phố N, Phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Trung Tr**, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Ph, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại Đơn khởi kiện ngày 08/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phùng Thị Bửu Q trình bày:**

Chị Phùng Thị Bửu Q và anh Nguyễn Trung Tr tự nguyện sống chung vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang ngày 16/08/2000. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì đến năm 2017 có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, anh Tr không quan tâm đến vợ con thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện chửi mắng chị nên tình cảm vợ chồng không còn. Anh chị đã tự ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình

cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung Tr.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trung Ng, sinh năm 2000 đã trưởng thành và cháu Nguyễn Nghĩa Thảo Nh, sinh ngày 13/08/2009. Chị Phùng Thị Bửu Q yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nghĩa Thảo Nh theo nguyện vọng của cháu Nh. Tại Đơn khởi kiện chị Quyên có yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nhưng tại biên bản hòa giải ngày 24/02/2021 và tại phiên tòa hôm nay, chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do anh Tr không có nghề nghiệp ổn định.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Trung Tr, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Bị đơn anh Nguyễn Trung Tr dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phùng Thị Bửu Q được ly hôn với anh Nguyễn Trung Tr.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trung Ng, sinh năm 2000 đã trưởng thành và cháu Nguyễn Nghĩa Thảo Nh, sinh ngày 13/08/2009. Chị Phùng Thị Bửu Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nghĩa Thảo Nh theo nguyện vọng của cháu Nh. Chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Trung Tr được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Phùng Thị Bửu Q trình bày chị và anh Nguyễn Trung Tr không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Thị Bửu Q là tranh chấp “Ly hôn”. Bị đơn anh Nguyễn Trung Tr cư trú tại ấp L, xã Ph, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Trung Tr vắng mặt không có lý do tại phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trung Tr.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Bửu Q và anh Nguyễn Trung Tr tự nguyện sống chung từ năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, TP M, tỉnh Tiền Giang ngày 16/08/2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Phùng Thị Bửu Q và anh Nguyễn Trung Tr là do tính tình không phù hợp, anh Tr không quan tâm đến vợ con nên tình cảm vợ chồng không còn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Xét thấy, mục đích của hôn nhân giữa chị Phùng Thị Bửu Q và anh Nguyễn Trung Tr không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên anh chị đã tự ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Do vậy chị Phùng Thị Bửu Q yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trung Tr là có cơ sở.

Yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị Bửu Q là có căn cứ theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trung Ng, sinh năm 2000 đã trưởng thành và cháu Nguyễn Nghĩa Thảo Nh, sinh ngày 13/08/2009. Chị Q yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nghĩa Thảo Nh theo nguyện vọng của cháu Nh. Chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Yêu cầu của chị Phùng Thị Bửu Q là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung; Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[6] Và nợ chung: Chị Phùng Thị Bửu Q trình bày chị và anh Nguyễn Trung Tr không có nợ chung. Anh Nguyễn Trung Tr không đến tham dự phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét đến nợ chung của anh chị. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Chị Phùng Thị Bửu Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Bửu Q.

1. Về hôn nhân: Chị Phùng Thị Bửu Q được ly hôn với anh Nguyễn Trung Tr.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trung Ng, sinh năm 2000 đã trưởng thành và cháu Nguyễn Nghĩa Thảo Nh, sinh ngày 13/08/2009. Chị Phùng Thị Bửu Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nghĩa Thảo Nh theo nguyện vọng của cháu Nh. Chị Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Và nợ chung: Chị Phùng Thị Bửu Q trình bày chị Q và anh Nguyễn Trung Tr không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phùng Thị Bửu Q phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thành án phí hôn nhân sơ thẩm (theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004550 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND. TP M, Tiền Giang.
- Chi cục THADS. TP M, Tiền Giang.
- UBND Phường S, TP M, Tiền Giang.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo